TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2025
"V/v Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: **-** Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**
- Ông **Trần Văn Sơn**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Vũ Thị Bích Hậu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà **Trịnh Ngọc Thùy T**rang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Thị Hạnh N**, sinh năm 1988; Trú tại: Tổ D, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn L,** sinh năm 1984; Trú tại: Tổ D, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2024 quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Hồ Thị Hạnh N trình bày:* Bà và ông Trần Văn L kết hôn với nhau từ năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà chung sống tại quận H, thành phố Đà Nẵng đến năm 2012 thì thuê nhà sống chung tại phường H, quận N. Năm 2021 thì vợ chồng xây nhà và chung sống tại tổ D, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông L thường xuyên say xỉn, không quan tâm đến vợ con. Mặc dù bà đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện nay vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau.

Bà cảm thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc Anh T1, sinh ngày 10/02/2011 và Trần Quốc H, sinh ngày 11/10/2017. Ly hôn, bà N đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung. Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000đ (4.000.000đ/01 con/01 tháng). Tuy nhiên tại phiên tòa bà chỉ đề nghị mức cấp dưỡng là 4.000.000đ/tháng (2.000.000đ/cháu/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn L đồng thời đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để động viên vợ chồng về chung sống với nhau nhưng ông L không tham gia và cũng không có ý kiến phản hồi về vụ án.

* Biên bản xác minh ngày 09/12/2024 tại tổ dân phố số D, phường H, quận N thể hiện: Ông Trần Văn L có đăng ký tạm trú tại địa phương, về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm, hiện nay vợ chồng ông L, bà N vẫn chung sống một nhà.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các bước thủ tục tố tụng. Bị đơn Trần Văn L đã được thông báo về vụ án, tống đạt hợp lệ các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến Tòa án, không có văn bản trình bày. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị Hạnh N và ông Trần Văn L đã đến mức trầm trọng, sau khi được thông báo về vụ án, ông Trần Văn L không liên hệ với Tòa án để phản hồi hay trình bày mong muốn được đoàn tụ gia đình. Quá trình giải quyết Tòa án đã hòa giải, động viên nhưng bà N vẫn kiên quyết ly hôn, điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Hạnh N, cho bà được ly hôn với ông Trần Văn L và giao các con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ (2.000.000đ/cháu/tháng); Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu, yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Trần Văn L cư trú tại D, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án và không có ý kiến phản hồi. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Hạnh N và ông Trần Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo bà N nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông L say xỉn, sống thiếu trách nhiệm. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã gửi văn bản thông báo, mời lên hòa giải và triệu tập tham gia các phiên tòa nhưng ông L đều không tham gia, điều này thể hiện ông không còn thiện chí muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải, động viên về đoàn tụ gia đình nhưng bà N không đồng ý, điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà được ly hôn với ông Trần Văn L như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2.2] Về con chung: Giữa bà N và ông L có 02 con chung là Trần Ngọc Anh T1, sinh ngày 10/02/2011 và Trần Quốc H, sinh ngày 11/10/2017. Nguyện vọng của bà N là muốn được trực tiếp nuôi cả hai con yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ. Xét nguyện vọng của bà N là chính đáng, các con chung đều mong muốn được ở với mẹ, ông Trần Văn L cũng không có tranh chấp gì về vấn đề nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao các con chung Trần Ngọc Anh T1 và Trần Quốc H cho bà Hồ Thị Hạnh N trực tiếp cấp dưỡng.

[2.2] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trách nhiệm của cha mẹ là phải chăm sóc con cái, vợ chồng cùng có trách nhiệm như nhau trong việc chăm sóc con. Bà N có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó cần buộc ông Trần Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Đánh giá yêu cầu của bà N trên cơ sở căn cứ nhu cầu mức sống thực tế tại địa phương, Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ/cháu/tháng.

[2.3] Về thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Để đảm bảo nguyên tắc kịp thời đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong việc nuôi con, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ấn định buộc ông Trần Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm – 01/4/2025.

[2.4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Hạnh N đối với ông Trần Văn L về việc ly hôn và nuôi con chung.

* Xử:

1/ Về hôn nhân: Bà Hồ Thị Hạnh N được ly hôn với ông Trần Văn L.

2/ Về con chung: Giao các con chung Trần Ngọc Anh T1, sinh ngày 10/02/2011 và Trần Quốc H, sinh ngày 11/10/2017 cho bà Hồ Thị Hạnh N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ (2.000.000đ/cháu/tháng) cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày 01/4/2025

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu cấp dưỡng có đơn yêu cầu cấp dưỡng, nếu người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

5/ Về án phí: Bà Hồ Thị Hạnh N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003496 ngày 29/10/2024 tại Chi cục thi

hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng *(Bà N đã nộp đủ án phí)*. Buộc ông Trần Văn L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng.

6/ Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Ngũ Hành Sơn;*
- *Đương sự;*
- *Chi cục THA DS quận NHS;*
- *UBND P. Bình Thuận;*
(Đk ngày 04/8/2010)
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đoàn Công Quốc